

BIỂU CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
TỔNG SỐ THU NGÂN SÁCH	252.962	TỔNG SỐ CHI NGÂN SÁCH	252.962
* Thu ngân sách trên địa bàn (I+II)	84.032		
Trong đó: Thu ngân sách phường hưởng	84.032	I. Chi đầu tư phát triển	16.575
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	61.760	II. Chi thường xuyên	231.242
Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	40.876	III. Dự phòng	5.145
Thuế thu nhập cá nhân	5.650		
Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích	100		
Thu lệ phí trước bạ	14.000		
phí, lệ phí	1.100		
Thu tiền thế sử dụng đất phi nông nghiệp	34		
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phường hưởng	22.272		
Thu tiền sử dụng đất	65.000		
- Ngân sách trung ương hưởng	9.750		
- Ngân sách tỉnh hưởng	38.675		
- Ngân sách phường hưởng	16.575		
Thu tiền thuê đất	5.200		
- Ngân sách trung ương hưởng	780		
- Ngân sách tỉnh hưởng	1.326		
- Ngân sách phường hưởng	3.094		
Thu khác ngân sách	2.740		
- Ngân sách trung ương hưởng	137		
- Ngân sách tỉnh hưởng			
- Ngân sách phường hưởng	2.603		
III. Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	168.930		
Bổ sung cân đối	166.126		
Bổ sung có mục tiêu	2.804		
IV. Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang			

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2026	
		Thu NSNN	Thu NSX
A	TỔNG THU	303.630	252.962
I	Các khoản thu 100%	61.760	61.760
-	Phí, lệ phí	1.100	1.100
-	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi cộng sản	100	100
-	Thu từ hoạt động kinh tế và thu sự nghiệp		
-	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
-	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
-	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
-	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân		
-	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	40.876	40.876
-	Thuế thu nhập cá nhân	5.650	5.650
-	Thu lệ phí trước bạ	14.000	14.000
-	Thu tiền thế sử dụng đất phi nông nghiệp	34	34
-	Thu khác		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	72.940	22.272
1	Các khoản thu phân chia	72.940	22.272
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp từ các hộ gia đình		
-	Thuế môn bài thu từ cá nhân và hộ kinh doanh		
-	Lệ phí trước bạ nhà đất		
-	Phí, lệ phí		
-	Thu tiền sử dụng đất	65.000	16.575
-	Thu tiền thuê đất	5.200	3.094
-	Thu khác ngân sách	2.740	2.603
-	Phí, lệ phí khác		
2	Các khoản thu phân chi khác do cấp tỉnh quy định		
III	Thu viên trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã		
IV	Thu chuyển nguồn ngân sách		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung ngân sách cấp trên	168.930	168.930
-	Thu bổ sung cân đối	166.126	166.126
-	Thu bổ sung có mục tiêu	2.804	2.804

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán 2026		
		Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên
	Tổng chi ngân sách xã	252.962	16.575	236.387
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	143.836		143.836
2	Chi khoa học và công nghệ	0		
3	Chi quốc phòng	1.806		1.806
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	2.018		2.018
5	Chi y tế, dân số và gia đình	0		
6	Chi văn hóa thông tin	1.482		1.482
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	0		
8	Chi thể dục thể thao	0		
9	Chi bảo vệ môi trường	2.500		2.500
10	Chi các hoạt động kinh tế	49.014	16.575	32.439
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	40.410		40.410
12	Chi bảo đảm xã hội	6.529		6.529
13	Chi thường xuyên khác	222		222
14	Chi từ chuyển nguồn ngân sách	0		
15	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0		
16	Dự phòng ngân sách	5.145		5.145
17	Chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	0		